

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56 / 2025 / TT-NHNN

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định hồ sơ, thủ tục chấp thuận thay đổi của tổ chức tài chính vi mô

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục chấp thuận thay đổi của tổ chức tài chính vi mô.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận thay đổi của tổ chức tài chính vi mô, bao gồm:

- Tên, địa điểm đặt trụ sở chính;
- Tăng mức vốn điều lệ;
- Nội dung hoạt động;
- Gia hạn thời hạn hoạt động;

đ) Mua bán, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của chủ sở hữu; mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn;

e) Tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng.

2. Việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu dẫn đến thay đổi hình thức pháp lý của tổ chức tài chính vi mô thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tài chính vi mô.
2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc chấp thuận thay đổi của tổ chức tài chính vi mô quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Nguyên tắc lập, gửi, tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả

1. Văn bản đề nghị chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô do người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật của tổ chức tài chính vi mô ủy quyền ký (sau đây gọi là người đại diện hợp pháp). Trường hợp người đại diện theo ủy quyền ký, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thay đổi của tổ chức tài chính vi mô (sau đây gọi tắt là hồ sơ đề nghị) được lập thành 01 bộ bằng tiếng Việt. Bản sao các tài liệu, văn bằng và bản dịch các tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt trong hồ sơ phải được chứng thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao được chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc, tổ chức tài chính vi mô phải xuất trình bản chính để đối chiếu khi nộp hồ sơ. Người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF).

3. Văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ, văn bản trả lời, văn bản chấp thuận, quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước được ban hành dưới dạng bản giấy hoặc văn bản điện tử.

4. Tổ chức tài chính vi mô gửi hồ sơ theo một trong những hình thức sau:

- a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- b) Gửi qua dịch vụ bưu chính;
- c) Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia. Khi gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp hệ thống Cổng Dịch vụ công quốc gia gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước.

5. Việc tiếp nhận hồ sơ được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia và theo quy định tại Thông tư này.

6. Ngân hàng Nhà nước trả kết quả xử lý thủ tục hành chính quy định tại Thông tư này qua phương thức trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận thay đổi và hình thức văn bản chấp thuận

1. Thẩm quyền chấp thuận thay đổi:

a) Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 của Thông tư này;

b) Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô quy định tại Điều 5, 6 Thông tư này.

2. Việc chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô được thực hiện dưới hình thức:

a) Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động (sau đây gọi là Giấy phép) của tổ chức tài chính vi mô đối với trường hợp quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9 Thông tư này;

b) Văn bản chấp thuận đối với các trường hợp quy định tại các Điều 10, 11, 12, 13 Thông tư này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

THAY ĐỔI TÊN, ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH; TĂNG MỨC VỐN ĐIỀU LỆ; THAY ĐỔI NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG; GIA HẠN THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

Điều 5. Thay đổi tên

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi tên theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc thay đổi tên.

2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 6. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính;

c) Văn bản, tài liệu chứng minh tổ chức tài chính vi mô có quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới.

2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều này có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký.

4. Trường hợp thay đổi địa chỉ nhưng không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, tổ chức tài chính vi mô gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô.

Điều 7. Tăng mức vốn điều lệ

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận tăng mức vốn điều lệ theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên đối với tổ chức tài chính vi mô được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Quyết định của chủ sở hữu đối với tổ chức tài chính vi mô được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thông qua việc tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô;

c) Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ do chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp thêm, góp thêm, ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b khoản này, tổ chức tài chính vi mô bổ sung các tài liệu sau đây:

(i) Văn bản của chủ sở hữu, thành viên góp vốn cam kết sử dụng nguồn tiền hợp pháp để cấp vốn hoặc góp thêm vốn theo phương án tăng vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô;

(ii) Văn bản xác nhận của Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân

hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính hoặc ngân hàng thương mại về số vốn điều lệ tăng thêm đã gửi vào tài khoản phong tỏa;

(iii) Báo cáo tài chính của thành viên góp vốn là doanh nghiệp tại năm liền kề trước năm đề nghị tăng vốn điều lệ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật; báo cáo hoạt động của chủ sở hữu, thành viên góp vốn không phải là doanh nghiệp tại năm liền kề trước năm đề nghị tăng vốn điều lệ;

d) Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ do thành viên góp vốn mới góp vốn, ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại các điểm a, b, c(i), c(ii) khoản này, tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ thành viên góp vốn mới của tổ chức tài chính vi mô như hồ sơ đối với thành viên sáng lập tổ chức tài chính vi mô theo quy định của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

đ) Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật, ngoài các hồ sơ quy định tại các điểm a, b khoản này, tổ chức tài chính vi mô bổ sung văn bản cung cấp thông tin về quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác được xác định theo kết quả kiểm toán của kiểm toán độc lập; thông tin về số tiền từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác được sử dụng để tăng vốn điều lệ.

2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều này có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký.

Điều 8. Thay đổi nội dung hoạt động

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị thay đổi nội dung hoạt động theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc thay đổi nội dung hoạt động;

c) Phương án triển khai nội dung hoạt động, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: mô tả nội dung thay đổi, quy trình thực hiện, phân tích hiệu quả và biện pháp phòng ngừa, kiểm soát rủi ro, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch triển khai thực hiện;

d) Dự thảo quy định nội bộ về quy trình triển khai nghiệp vụ đối với hoạt động đề nghị bổ sung để đảm bảo quản lý và kiểm soát rủi ro phát sinh.

2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 9. Gia hạn thời hạn hoạt động

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận việc gia hạn thời hạn hoạt động theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo tổng quan tình hình tổ chức và hoạt động, trong đó bao gồm:

(i) Đánh giá kết quả hoạt động trong 05 năm gần nhất, bao gồm các chỉ tiêu hoạt động chính liên quan đến cơ cấu nguồn vốn, sử dụng vốn và kết quả kinh doanh; tổ chức và hoạt động của bộ máy quản trị, điều hành, kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Mục tiêu, kế hoạch kinh doanh cho 03 năm tiếp theo;

c) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc gia hạn thời hạn hoạt động.

2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận:

a) Tối thiểu 180 ngày trước ngày kết thúc thời hạn hoạt động, tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Mục 2

MUA BÁN, CHUYỂN NHƯỢNG PHẦN VỐN GÓP

Điều 10. Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa các thành viên

góp vốn hiện tại của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

- a) Văn bản đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;
- c) Văn bản của bên mua, bên nhận chuyển nhượng cam kết về tính hợp pháp của nguồn vốn dùng để mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp;
- d) Văn bản cam kết mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa bên bán, bên chuyển nhượng và bên mua, bên nhận chuyển nhượng.

2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận:

- a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;
- b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều này có hiệu lực trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày ký.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, tổ chức tài chính vi mô gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản thông báo về kết quả thực hiện kèm tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp.

Điều 11. Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa thành viên góp vốn hiện tại và thành viên góp vốn mới (bên mua, bên nhận chuyển nhượng) của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

- a) Văn bản đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;
- c) Văn bản cam kết mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa thành viên góp vốn hiện tại và thành viên góp vốn mới;

d) Văn bản của bên mua, bên nhận chuyển nhượng cam kết sử dụng nguồn tiền hợp pháp để mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp;

đ) Các văn bản, tài liệu chứng minh thành viên góp vốn mới đáp ứng các điều kiện về thành viên góp vốn theo quy định của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập và tỷ lệ sở hữu vốn góp theo quy định của pháp luật, bao gồm:

(i) Giấy phép thành lập hoặc văn bản tương đương; mã số doanh nghiệp;

(ii) Điều lệ của tổ chức;

(iii) Văn bản ủy quyền người đại diện vốn góp tại tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật;

(iv) Sơ yếu lý lịch của người đại diện vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này; lý lịch tư pháp của người đại diện vốn góp theo quy định của pháp luật (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa).

Người đại diện vốn góp có thể xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật;

(v) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của thành viên góp vốn mới là doanh nghiệp trong 03 năm liên kế năm nộp hồ sơ;

(vi) Báo cáo hoạt động của thành viên góp vốn mới không phải là doanh nghiệp trong 03 năm liên tiếp liên kế trước năm nộp hồ sơ;

(vii) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này;

(viii) Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này;

(ix) Văn bản cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản;

(x) Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;

(xi) Văn bản cam kết không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

(xii) Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về việc thực hiện nghĩa vụ

thuế và bảo hiểm xã hội: Văn bản cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của thành viên góp vốn mới theo Phụ lục số XII ban hành kèm theo Thông tư này; Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước; Văn bản của cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của thành viên góp vốn mới;

(xiii) Đối với thành viên góp vốn là pháp nhân đã hoặc đang trực tiếp tham gia quản lý hoặc điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô: Tài liệu chứng minh đã hoặc đang tham gia quản lý hoặc điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động an toàn, bền vững trong ít nhất 03 năm liên tiếp trước thời điểm đề nghị.

2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều này có hiệu lực trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày ký.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, tổ chức tài chính vi mô gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản thông báo về kết quả thực hiện kèm tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp.

Điều 12. Mua bán, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của chủ sở hữu theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu thông qua việc mua bán, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp;

c) Văn bản đề nghị mua, nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp do người đại diện hợp pháp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng ký;

d) Văn bản cam kết mua bán, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp giữa chủ sở hữu tổ chức tài chính vi mô và bên mua, bên nhận chuyển nhượng; trong

đó bên mua, bên nhận chuyển nhượng cam kết sử dụng nguồn tiền hợp pháp để mua, nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô;

đ) Các hồ sơ chứng minh bên mua, bên nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp đáp ứng các điều kiện về chủ sở hữu theo quy định của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập.

2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận đề nghị mua bán, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều này có hiệu lực trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày ký.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, tổ chức tài chính vi mô gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản thông báo về kết quả thực hiện kèm tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp.

Mục 3

TẠM NGỪNG GIAO DỊCH TỪ 05 NGÀY LÀM VIỆC TRỞ LÊN, TRỪ TRƯỜNG HỢP TẠM NGỪNG GIAO DỊCH DO SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

Điều 13. Tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận tạm ngừng giao dịch theo mẫu tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc tạm ngừng giao dịch;

c) Tài liệu chứng minh sự cần thiết của việc tạm ngừng giao dịch;

d) Phương án xử lý các rủi ro phát sinh do việc tạm ngừng giao dịch, trong đó bao gồm các giải pháp dự kiến thực hiện để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của việc tạm ngừng giao dịch đến quyền và lợi ích của khách hàng.

2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận:

a) Tối thiểu 60 ngày trước ngày dự kiến tạm ngừng giao dịch, tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về việc tạm ngừng giao dịch, chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng giao dịch, tổ chức tài chính vi mô có trách nhiệm thông báo đến khách hàng, niêm yết thời gian và lý do tạm ngừng giao dịch tại các địa điểm giao dịch.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 14. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng:

a) Đầu mỗi tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với các nội dung thay đổi của tổ chức tài chính vi mô quy định tại Điều 5, 6 Thông tư này;

b) Đầu mỗi tiếp nhận hồ sơ và thẩm định trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định các nội dung thay đổi của tổ chức tài chính vi mô quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 Thông tư này;

c) Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

(i) Có văn bản lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô đề nghị được chuyển đến về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô trong trường hợp địa điểm mới nằm ngoài địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô đang đặt trụ sở chính khi xử lý đề nghị chấp thuận thay đổi theo quy định tại Điều 6 Thông tư này;

(ii) Có văn bản đề nghị Cơ quan tư pháp có thẩm quyền cung cấp thông tin liên quan đến án tích của thành viên góp vốn mới khi xử lý đề nghị chấp thuận thay đổi theo quy định tại Điều 11 Thông tư này;

(iii) Có văn bản lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính về việc mua bán, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của chủ sở hữu khi xử lý đề nghị chấp thuận thay đổi theo quy định tại Điều 12 Thông tư này;

d) Lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tài

chính vi mô đặt trụ sở chính trong các trường hợp sau:

- (i) Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô;
- (ii) Gia hạn thời hạn hoạt động của tổ chức tài chính vi mô;
- (iii) Mua bán, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô;

đ) Thông báo về các văn bản chấp thuận, Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép về những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính;

e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước ra Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm theo Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép cho Cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Trách nhiệm của đơn vị quản lý Cổng thông tin điện tử:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức tài chính vi mô, đơn vị quản lý Cổng thông tin điện tử công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước các thông tin liên quan đến sửa đổi, bổ sung Giấy phép tại Điều 5, 6, 7, 8, 9 Thông tư này.

3. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm thực hiện thanh tra, xử lý hành vi vi phạm của tổ chức tài chính vi mô theo chức năng, nhiệm vụ được giao trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực:

a) Kiểm tra việc đáp ứng các điều kiện của trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tổ chức tài chính vi mô;

b) Có biên bản xác nhận việc đáp ứng hoặc không đáp ứng các yêu cầu để được hoạt động tại địa điểm mới.

2. Tham gia ý kiến theo đề nghị của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng về gia hạn thời hạn hoạt động và mua bán, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô.

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức tài chính vi mô

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và đầy đủ của thông tin cung cấp tại hồ sơ.

2. Khi được chấp thuận thay đổi một hoặc một số nội dung quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này, tổ chức tài chính vi mô phải thực hiện:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô phù hợp với thay đổi đã được chấp thuận;

b) Có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước để công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước, thông báo công khai tại trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô và một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam về các nội dung thay đổi quy định tại Điều 5, 6, 7, 8, 9 Thông tư này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

3. Chậm nhất 20 ngày trước ngày hoạt động tại địa điểm mới, tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo ngày dự kiến bắt đầu hoạt động tại địa điểm mới và báo cáo việc đáp ứng điều kiện về trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở chính. Tổ chức tài chính vi mô chỉ được hoạt động tại địa điểm mới sau khi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có biên bản xác nhận việc đáp ứng các điều kiện để được hoạt động tại địa điểm mới.

4. Thực hiện các nội dung khác theo quy định tại Thông tư này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 02 năm 2026.

2. Thông tư này bãi bỏ các Thông tư, quy định sau:

a) Thông tư số 10/2018/TT-NHNN ngày 09/4/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô;

b) Điều 5 Thông tư số 27/2022/TT-NHNN ngày 31/12/2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;

c) Điều 5 Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tài chính vi mô chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

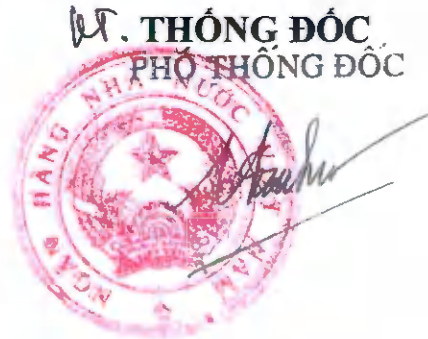
Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp

Tổ chức tài chính vi mô đã nộp đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị chấp thuận thay đổi một hoặc một số nội dung quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này trước ngày

Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2018/TT-NHNN ngày 09/4/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô hoặc sửa đổi, bổ sung hồ sơ để thực hiện theo quy định tại Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 18;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VT, ATHT (03b).



Đoàn Thái Sơn



(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2025/TT-NHNN ngày 26/12/2025 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

Phụ lục I

Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi tên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI TÊN

Kính gửi:

Căn cứ Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên ngày..... tháng..... năm..... thông qua việc thay đổi tên.

Tổ chức tài chính vi mô:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt:
- Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Mã số doanh nghiệp:
- Mã định danh tổ chức (nếu có):
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại:
- Địa chỉ thư điện tử:

Đề nghị xem xét, chấp thuận thay đổi tên như sau:

1. Thông tin về tên được ghi trong Giấy phép:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt:
- Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

2. Thông tin về tên tổ chức tài chính vi mô dự kiến thay đổi:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt:
- Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

3. Lý do thay đổi:

.....

Tổ chức tài chính vi mô:..... cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của Văn bản đề

nghị và hồ sơ kèm theo.

b) Tên gọi của tổ chức tài chính vi mô đề nghị thay đổi đảm bảo quy định của pháp luật có liên quan về việc đặt tên.

c) Sau khi được chấp thuận thay đổi, sẽ thực hiện đầy đủ và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật có liên quan, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày... tháng... năm

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu) *h*



Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI
ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH

Kính gửi:.....

Căn cứ Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên ngày.....tháng.....năm.....
thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính.

Tổ chức tài chính vi mô:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt:
- Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Mã số doanh nghiệp:
- Mã định danh tổ chức (nếu có):
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại:
- Địa chỉ thư điện tử:

Đề nghị xem xét, chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính như sau:

1. Thông tin về địa điểm đặt trụ sở chính được ghi trong Giấy phép:

2. Thông tin về địa điểm đặt trụ sở chính đề nghị chấp thuận thay đổi:

Xác định rõ: Tên tòa nhà (đối với các tòa nhà văn phòng cho thuê), số nhà, tên phố (ngõ) và tên đơn vị hành chính cấp xã, tên đơn vị hành chính cấp tỉnh.

3. Lý do thay đổi:

4. Kế hoạch chuyển trụ sở chính đảm bảo tinh liên tục trong hoạt động:

Tổ chức tài chính vi mô:..... cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của Văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

b) Cam kết địa điểm thay đổi trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô đáp ứng các điều kiện về trụ sở chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về trụ sở chính

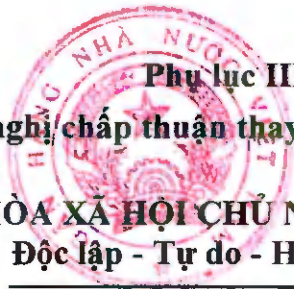
của tổ chức tài chính vi mô.

c) Sau khi được chấp thuận thay đổi, sẽ thực hiện đầy đủ và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật có liên quan, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày... tháng... năm....

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu) *ND*



Phụ lục III

Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI
ĐỊA CHỈ ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH

(Đối với trường hợp thay đổi địa chỉ nhưng không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính)

Kính gửi:

Căn cứ Văn bản số ngày....tháng.....năm..... của cấp có thẩm quyền về việc thay đổi địa chỉ.

Tổ chức tài chính vi mô:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt:
- Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Mã số doanh nghiệp:
- Mã định danh tổ chức (nếu có):
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại:
- Địa chỉ thư điện tử:

Đề nghị xem xét, chấp thuận thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính:

1. Thông tin về địa chỉ được ghi trong Giấy phép:

.....

2. Thông tin về địa chỉ trụ sở chính đề nghị chấp thuận thay đổi:

.....

Tổ chức tài chính vi mô:.....cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của Văn bản đề nghị chấp thuận.

b) Tổ chức tài chính vi mô cam kết chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật có liên quan, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày... tháng... năm....

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu)

12



Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận tăng mức vốn điều lệ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN
TĂNG MỨC VỐN ĐIỀU LỆ

Kính gửi:

Căn cứ Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng thành viên ngày..... tháng..... năm..... thông qua việc thay đổi mức vốn điều lệ (đối với tổ chức tài chính vi mô được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên).

Căn cứ Quyết định của chủ sở hữu ngày..... tháng..... năm..... về việc thông qua việc tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô (đối với tổ chức tài chính vi mô được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên).

Tổ chức tài chính vi mô:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt:
- Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Mã số doanh nghiệp:
- Mã định danh tổ chức (nếu có):
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại:
- Địa chỉ thư điện tử:

Đề nghị xem xét, chấp thuận thay đổi mức vốn điều lệ như sau:

1. Thông tin về mức vốn điều lệ ghi trong Giấy phép:

.....

2. Thông tin về mức vốn điều lệ đề nghị chấp thuận thay đổi:

.....

3. Lý do và sự cần thiết của việc tăng vốn điều lệ:

.....

4. Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ:

.....

5. Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ:

.....

6. Tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên góp vốn (trường hợp thay đổi mức vốn điều lệ dẫn đến thay đổi tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên góp vốn):

.....
7. Thông tin chung về thành viên góp vốn mới:

.....
Tổ chức tài chính vi mô:..... cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của Văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

b) Sử dụng nguồn tiền hợp pháp để cấp vốn hoặc góp thêm vốn theo phương án tăng vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô.

c) Sau khi được chấp thuận tăng vốn điều lệ sẽ thực hiện đầy đủ và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật có liên quan, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày... tháng... năm....

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu) *R*

Phụ lục V

Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi nội dung hoạt động

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI
NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

Kính gửi:

Căn cứ Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên ngày..... tháng..... năm..... thông qua việc thay đổi nội dung hoạt động.

Tổ chức tài chính vi mô:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt:
- Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Mã số doanh nghiệp:
- Mã định danh tổ chức (nếu có):
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại:
- Địa chỉ thư điện tử:

Đề nghị xem xét, chấp thuận thay đổi nội dung hoạt động như sau:

1. Thông tin về nội dung hoạt động được quy định trong Giấy phép:

.....

2. Thông tin về nội dung hoạt động đề nghị chấp thuận thay đổi:

.....

3. Lý do và sự cần thiết thay đổi nội dung hoạt động:

.....

Tổ chức tài chính vi mô:..... cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của Văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

b) Sau khi được chấp thuận thay đổi, sẽ thực hiện đầy đủ và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật có liên quan, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày... tháng... năm...

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu)



Phụ lục VI
Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận gia hạn thời hạn hoạt động

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN
GIA HẠN THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

Kính gửi:

Căn cứ Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên ngày..... tháng..... năm..... thông qua việc gia hạn thời hạn hoạt động.

Tổ chức tài chính vi mô:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt:
- Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Mã số doanh nghiệp:
- Mã định danh tổ chức (nếu có):
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại:
- Địa chỉ thư điện tử:

Đề nghị xem xét, chấp thuận gia hạn thời hạn hoạt động như sau:

1. Thông tin về thời hạn hoạt động được ghi trong Giấy phép:

.....

2. Thông tin về thời hạn hoạt động đề nghị chấp thuận gia hạn:

.....

3. Lý do đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động:

.....

Tổ chức tài chính vi mô:..... cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của Văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

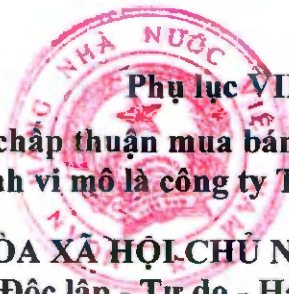
b) Sau khi được chấp thuận thay đổi, sẽ thực hiện đầy đủ và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật có liên quan, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày... tháng... năm....

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu)

R



Phụ lục VII

**Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp
của tổ chức tài chính vi mô là công ty TNHH hai thành viên trở lên**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN MUA BÁN, CHUYỂN NHƯỢNG PHẦN
VỐN GÓP CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ LÀ CÔNG TY TNHH HAI
THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Kính gửi:

Căn cứ Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên ngày.....tháng.....năm.....
về việc thông qua việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp.

Căn cứ Văn bản ngày.....tháng.....năm..... về việc cam kết mua bán, chuyển
nhượng phần vốn góp giữa bên bán, bên chuyển nhượng và bên mua, bên nhận chuyển
nhượng.

Tổ chức tài chính vi mô:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt:
- Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Mã số doanh nghiệp:
- Mã định danh tổ chức (nếu có):
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại:
- Địa chỉ thư điện tử:

Đề nghị xem xét, chấp thuận đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của
tổ chức tài chính vi mô như sau:

1. Thông tin về bên bán, bên chuyển nhượng:

- Tên, địa điểm đặt trụ sở chính:
- Tỷ lệ bán, chuyển nhượng:
- Tỷ lệ sở hữu, giá trị phần vốn góp của bên bán, bên chuyển nhượng và người có
liên quan trước và sau khi bán, chuyển nhượng phần vốn góp.

2. Thông tin về bên mua, bên nhận chuyển nhượng:

- Tên, địa điểm đặt trụ sở chính:
- Tỷ lệ mua, nhận chuyển nhượng:
- Tỷ lệ sở hữu, giá trị phần vốn góp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng và
người có liên quan trước và sau khi mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp.

3. Lý do mua bán, chuyển nhượng:

.....

4. Thời điểm dự kiến thực hiện mua bán, chuyển nhượng:

.....

Tổ chức tài chính vi mô:..... cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của Văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

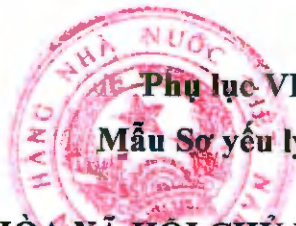
b) Về tính hợp pháp của nguồn tiền dùng để mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp.

b) Sau khi được chấp thuận mua bán, chuyển nhượng, sẽ thực hiện đầy đủ và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật có liên quan, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày... tháng... năm....

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu) *℞*



Phụ lục VIII
Mẫu Sơ yếu lý lịch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ảnh màu
(4x6) đóng
dấu giáp lai
của cơ quan
xác nhận lý
lịch

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh.
- Họ và tên thường gọi.
- Bí danh (nếu có).
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số Căn cước hoặc số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú) đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam.
- Tên, địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện; số vốn góp và tỷ lệ vốn góp (trường hợp thành viên góp vốn là pháp nhân).

2. Trình độ học vấn:

- Giáo dục phổ thông.
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp)).

3. Quả trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay(1):

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm) ⁽²⁾	Đơn vị công tác	Chức vụ	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao	Ghi chú ⁽³⁾
-----	--	--------------------	------------	--	------------------------

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính(4).

4. Năng lực hành vi dân sự(5)

5. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Các thông tin cá nhân tôi cung cấp cho Tổ chức tài chính vi mô để trình Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp là đúng sự thật.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

....., ngày... tháng... năm

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)⁽⁶⁾

Ghi chú:

Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tài chính vi mô về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

(1) Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

(2) Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

(3) Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:

(i) Doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;

(ii) Đơn vị theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung);

(iii) Đơn vị theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung) (Ghi cụ thể tên đơn vị và thời điểm bị tuyên bố phá sản, chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của người đại diện vốn góp);

(4) Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm d, g khoản 1 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung);

(5) Ghi cụ thể:

(i) Đầy đủ/Hạn chế/Mất năng lực hành vi dân sự.

(ii) Thông tin về cam đảm nhiệm chức vụ, thanh lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp).

(6) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết. 



Phụ lục IX

Mẫu bảng kê khai người có liên quan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai và “người có liên quan” của người khai	Số căn cước/số định danh cá nhân/ Số Giấy phép ⁽¹⁾	Mối quan hệ với người khai ⁽²⁾	Đã tham gia góp vốn tổ chức tín dụng		Số vốn góp tại tổ chức tài chính vì mô khi thành lập
				Tên, địa chỉ tổ chức tín dụng	Tỷ lệ góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng(%)	
I	Người kê khai/tổ chức khai					
1	Nguyễn Văn A/ Tổ chức A		Người khai/ Tổ chức khai			
II.	Người có liên quan/tổ chức có liên quan					
1.	Nguyễn Thị B/ Tổ chức B		Vợ/Công ty con			
Tổng cộng					% (chi tiết từng tổ chức tín dụng)	

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ và trung thực của các thông tin kê khai nêu trên.

....., ngày... tháng... năm

Người khai⁽³⁾

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Số căn cước hoặc số định danh cá nhân đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam; số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương đối với tổ chức.

(2) Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung) và quy định có liên quan để điền vào cột này.

(3) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật. Người ký tên người khai là đại diện hợp pháp của tổ chức và đóng dấu.

Ngoài những nội dung tối thiểu nêu trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.



Phụ lục X
**Mẫu báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn vào tổ chức tài chính vi mô
của doanh nghiệp không phải ngân hàng**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Tổ chức tài chính vi mô.....

I. Thông tin về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa):
- Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, cơ quan cấp, ngày cấp:
- Vốn điều lệ:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại:
- Số Fax:
- Tên người đại diện theo pháp luật:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):
- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

2. Khả năng về tài chính để tham gia góp vốn vào tổ chức tài chính vi mô:

- Vốn chủ sở hữu (A):
- Tài sản dài hạn trừ đi Nợ dài hạn dùng để đầu tư tài sản dài hạn (B):
- Khả năng về tài chính để tham gia góp vốn vào tổ chức tài chính vi mô ($C = A - B$):

(Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định cần kê khai thêm các thông tin dưới đây)

- Mức vốn pháp định theo yêu cầu của pháp luật hiện hành áp dụng đối với ngành nghề mà doanh nghiệp đang hoạt động (*trường hợp doanh nghiệp hoạt động đa ngành thì kê khai mức vốn pháp định cao nhất*) (Đ):

- Vốn chủ sở hữu trừ mức vốn pháp định ($E = A - D$):

Kết luận: Đủ khả năng tài chính tham gia góp vốn vào tổ chức tài chính vi mô (chỉ kết luận này khi C và E tối thiểu bằng mức vốn cam kết góp của doanh nghiệp).

3. Cam kết:

- Không sử dụng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;

- Tuân thủ các quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô, các quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô và các quy định của pháp luật có liên quan;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có).

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: *Vốn chủ sở hữu, Tài sản dài hạn, Nợ dài hạn dùng để đầu tư tài sản dài hạn lấy theo báo cáo tài chính năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp đã được kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán.*



Phụ lục XI
Mẫu bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng
của tổ chức, doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA
TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp:
2. Mã số thuế :
3. Lĩnh vực hoạt động, kinh doanh:
4. Thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng:
 - Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
 - Địa chỉ:
 - Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, cơ quan cấp, ngày cấp:
 - Tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm kê khai:
 - Dư nợ tín dụng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm kê khai:
 - Dư nợ quá hạn tại thời điểm kê khai:
 - Nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
 - + Thời điểm (*Ghi rõ tháng, năm*):
 - + Thực trạng xử lý nợ xấu (*Ghi rõ đến thời điểm kê khai đã xử lý như thế nào*):
5. Cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của bảng kê khai.

..., ngày ... tháng ... năm

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp

(*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu*)

Phụ lục XII

Mẫu văn bản cam kết đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

..., ngày... tháng... năm...

V/v cam kết đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm

VĂN BẢN CAM KẾT ĐÃ THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ NGHĨA VỤ THUẾ, BẢO HIỂM XÃ HỘI

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số..... /2025/TT-NHNN ngày..... tháng..... năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục chấp thuận thay đổi của tổ chức tài chính vi mô;

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt:
- Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Mã số doanh nghiệp:
- Mã số thuế:
- Mã định danh tổ chức (nếu có):
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại:
- Địa chỉ thư điện tử:
- Đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:

Bằng văn bản này, tên tổ chức xin cam kết: Tính tới thời điểm hiện tại, tên tổ chức đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội với cơ quan nhà nước.

Tên tổ chức xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung tại cam kết này.

Trân trọng cảm ơn./.

..., ngày... tháng... năm....

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu) 

Phụ lục XIII

Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô là công ty TNHH một thành viên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN MUA BÁN, CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ PHẦN VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ LÀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi:

Căn cứ Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu ngày.....tháng.....năm..... về việc thông qua việc mua bán, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp.

Căn cứ Văn bản ngày.....tháng.....năm..... về việc đề nghị mua, nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp do người đại diện hợp pháp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng ký.

Căn cứ Văn bản ngày.....tháng.....năm..... về việc cam kết mua bán, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp giữa chủ sở hữu tổ chức tài chính vi mô và bên mua, bên nhận chuyển nhượng.

Tổ chức tài chính vi mô:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt:
- Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Mã số doanh nghiệp:
- Mã định danh tổ chức (nếu có):
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại:
- Địa chỉ thư điện tử:

Đề nghị xem xét, chấp thuận đề nghị mua bán, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô như sau.

1. Thông tin về bên bán, bên chuyển nhượng:

- Tên, địa điểm đặt trụ sở chính:

2. Thông tin về bên mua, bên nhận chuyển nhượng:

- Tên, địa điểm đặt trụ sở chính:

3. Lý do mua bán, chuyển nhượng:

.....

4. Thời điểm dự kiến thực hiện mua bán, chuyển nhượng:

.....

Tổ chức tài chính vì mô:..... cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của Văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

b) Bên mua, bên nhận chuyển nhượng phần vốn góp đáp ứng các điều kiện về chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

c) Về tính hợp pháp của nguồn tiền dùng để mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp.

d) Sau khi được chấp thuận thực hiện mua bán, chuyển nhượng, sẽ thực hiện đầy đủ và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật có liên quan, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày... tháng... năm....

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu) *12*

Phụ lục XIV
Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận tạm ngừng
giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN TẠM NGỪNG
GIAO DỊCH TỪ 05 NGÀY LÀM VIỆC TRỞ LÊN

Kính gửi:

Căn cứ Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên ngày..... tháng..... năm..... thông qua việc tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên.

Tổ chức tài chính vi mô:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt:
- Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Mã số doanh nghiệp:
- Mã định danh tổ chức (nếu có):
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại:
- Địa chỉ thư điện tử:

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, chấp thuận tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên với nội dung cụ thể như sau:

1. Số ngày và thời gian dự kiến tạm ngừng giao dịch:

.....

2. Lý do và sự cần thiết tạm ngừng giao dịch:

.....

Tổ chức tài chính vi mô:..... cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của Văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

b) Sau khi được chấp thuận, sẽ thực hiện đầy đủ và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật có liên quan, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày... tháng... năm....

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu) *12*